Ngày soạn: 10/10/2018

Tuần dạy: Tuần 8

Tiêt ct: 8

**KIỂM TRA MỘT TIẾT ĐỊA LÍ 11**

 **I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức của học sinh về các chủ đề: sự tương phản trình độ phát triển kinh tế xã hội các nhóm nước, toàn cầu hóa và khu vực hóa, một số vấn đề của châu lục và khu vực

- Phát hiện sự phân hóa về trình độ của học sinh trong quá trình dạy học, để đặt ra các biện pháp dạy học phân hóa theo học lực cho phù hợp.

- Giúp HS biết được khả năng học tập của mình so với mục tiêu đề ra của chương trình GDPT.

**2. Kĩ năng**

- Kiểm tra khả năng vận dụng kĩ năng của HS vào các tình huống cụ thể.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, nhận xét, biểu đồ.

**3. Thái độ:** Có thái độ học tập nghiêm túc để nâng cao kết quả học tập môn học.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:** trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn.

 MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN ĐỊA LÍ 11 HỌC KÌ I

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết**  | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |
| **Chủ đề 1:** Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các nhóm nước, cuộc CMKHCN hiện đại | Biết được tiêu chí và sự phân chia các nhóm nước | - Hiểu được sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước: phát triển, đang phát triển | - Phân tích bảng số liệu về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. |  |
| ***Số câu:******Số điểm, Tỉ lệ:*** | *2 câu**0,5 điểm* | *3 câu**0,75 điểm* | *2 câu**0,5 điểm* |  |
| **Chủ đề 2:** Toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế | Biết được thế nào là toàn cầu hóa, khu vực hóa | Phân tích được tác động của toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế | Nguyên nhân nào dẫn đến xu hướng toàn cầu hóa |  |
| ***Số câu:******Số điểm, Tỉ lệ:*** | *1 câu**0,25 điểm* | *1 câu**0,25 điểm* | 1 câu0,25 điểm |  |
| **Chủ đề 3:** Một số vấn đề toàn cầu | Xác định các vấn đề như thế nào là vấn đề toàn cầu | Hiểu nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của các vấn đề dân số, môi trường… |  | Giải thích tại sao các vấn đề này mang tính toàn cầu |
| ***Số câu:******Số điểm, tỉ lệ:*** | 4 câu1,0 điểm | 3 câu0,75 điểm |  | 1 câu0,25 điểm |
| **Chủ đề 4:** Một số vấn đề của Châu Phi | Biết được các đặc điểm tự nhiên, dân cư – xã hội của Châu Phi | Hiểu được nguyên nhân vì sao Châu Phi nghèo | Phân tích tình hình phát triển kinh tế của các nước Châu Phi | Giải thích nguyên nhân đói nghèo của các nước châu Phi |
| ***Số câu:******Số điểm, tỉ lệ:*** | *3 câu**0,75 điểm* | *2 câu**0,5 điểm* | *2 câu**0,5 điểm* | *1 câu**0,25 điểm* |
| **Chủ đề 5:** Một số vấn đề của Mỹ Latinh | Biết được các đặc điểm tự nhiên, dân cư – xã hội của khu vực Mỹ Latinh | Hiểu được nguyên nhân vì sao khu vực Mỹ Latinh nghèo | Phân tích tình hình phát triển kinh tế của khu vực Mỹ Latinh | Giải thích nguyên nhân đói nghèo của khu vực Mỹ Latinh |
| **Số câu****Số điểm, tỉ lệ:** | *4 câu**1,0 điểm* | *2 câu**0,5 điểm* | *2 câu**0,5 điểm* | *1câu**0,25 điểm* |
| **Chủ đề 6:**Một số vấn đề của Tây Nam Á và Trung Á | Biết được các đặc điểm tự nhiên, dân cư – xã hội của Tây Nam Á và Trung Á | Hiểu được nguyên nhân tình hình chính trị, kinh tế của TNA và Trung Á  | *Phân tích được vai trò cung cấp dầu mỏ của khu vực TNA và Trung Á* | *Phân tích các nguyên nhân dận đến sự mất ổn định của TNA và Trung Á* |
| Số câuSố điểm, tỉ lệ: | *2 câu**0,5 điểm* | *1 câu**0,25 điểm* | *1 câu**0,25 điểm* | *1 câu**0,25 điểm* |
| ***Tổng số câu:******Tổng số điểm:*** | *16 câu**4,0 điểm* | *12 câu**3,0 điểm* | *08 câu**2,0 điểm* | *04 câu**1,0 điểm* |

|  |
| --- |
| TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN ĐỊA LÍ 11 Thời gian: 45 phút |
|  |

 *(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)*

Họ, tên thí sinh:..................................................................... Lớp : …...............................

**Câu 1:** Đời sống dưới mức nghèo khỏ của châu Mỹ Latinh còn đông chủ yếu do:

**A.** hiện tượng đô thị hóa tự phát. **B.** điều kiện tự nhiên khó khăn.

**C.** người dân không cần cù. **D.** cuộc cải cách ruộng đất không triệt để.

**Câu 2:** Đầu thế kỷ XXI tỷ lệ dân thành thị của MĩLa tinh chiếm tới:

**A.** 55% dân số. **B.** 75% dân số. **C.** 65% dân số. **D.** 85% dân số.

**Câu 3:** Nguồn FDI vào Mĩ La tinh chiếm trên 50% là từ các nước:

**A.** Tây Âu và Nhật Bản **B.** Hoa Kỳ và Tây Ban Nha

**C.** Hoa Kỳ và Tây Âu **D.** Hoa Kỳ và Canada

**Câu 4:** Nhận xét **đúng** về thực trạng tài nguyên của Châu Phi là

**A.** khoáng sản và rừng là những tài nguyên đang bị khai thác mạnh

**B.** trữ lượng lớn về vàng, kim cương, dầu mỏ, phốt phát nhưng chưa được khai thác.

**C.** khoáng sản phong phú, rừng nhiều nhưng chưa được khai thác.

**D.** khoáng sản nhiều, đồng cỏ và rừng xích đạo diện tích rộng lớn

**Câu 5:** Một trong những biểu hiện của dân số thế giới đang có xu hướng già đi là

**A.** tỉ lệ người trên 65 tuổi ngày càng cao

**B.** tuổi thọ của nữ giới cao hơn nam giới

**C.** số người trong độ tuổi lao đông rất đông

**D.** tỉ lệ người dưới 15 tuổi ngày càng cao

**Câu 6:** Khu vực Trung Á thừa hưởng nhiều giá trị văn hóa của phương đông và phương tây là do.

**A.** có “con đường tơ lụa” đi qua khu vực này

**B.**  nằm giữa Châu Á và Châu Âu

**C.**  có sự giao lưu giữa Phật giáo và  Thiên chúa giáo

**D.**  cuộc chiến tranh giữa Thiên chúa giáo và Hồi giáo

**Câu 7:** Cho bảng số liệu: dân số các châu lục trên thế giới năm 2005 và năm 2014

(Đơn vị: %)



Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện dân số các châu lục trên thế giới năm 2005 và năm 2014 là

**A.** biểu đồ cột. **B.** biểu dồ đường.

**C.** biểu đồ kết hợp (cột và đường). **D.** biểu đồ tròn.

**Câu 8:** Châu lục có huổi thọ trung bình của người dân thấp nhất thế giới là

**A.** Châu Âu **B.** Châu Phi **C.** Châu Mĩ **D.** Châu Á

**Câu 9:** Nhận xét **đúng** nhất về tài nguyên khoáng sản của Mĩ La tinh là:

**A.** kim loại màu, sắt, kim loại hiếm, phốtphat.

**B.** kim loại đen, kim loại màu, dầu mỏ.

**C.** kim loại màu, kim loại quý và nhiên liệu.

**D.** kim loại đen, kim loại màyu, kim loại hiếm.

**Câu 10:** Nguyên nhân chính làm suy giảm đa dạng sinh vật hiện nay là

**A.** cháy rừng **B.** ô nhiễm môi trường **C.** biến đổi khí hậu **D.** con người khai thác quá mức

**Câu 11:** Tình hình kinh tế các nước Mĩ La tinh từng bước đã được cải thiện, biểu hiện rõ nhất là xuất khẩu tăng nhanh:

**A.** năm 2003 tăng khoảng 10%, năm 2004 là 21% **B.** năm 2003 tăng khoảng 5%, năm 2004 là 10%

**C.** năm 2003 tăng khoảng 15%, năm 2004 là 30% **D.** năm 2003 tăng khoảng 20%, năm 2004 là 35%

**Câu 12:** Năm 2004 châu Phi đóng góp vào GDP toàn cầu bao nhiêu:

**A.** 1,2% **B.** 1,9% **C.** 2,0% **D.** 2,1%

**Câu 13:** Hiện nay, nguồn nước ngọt ở nhiều nơi trên thế giới bị ô nhiễm nghiêm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do

**A.** chất thải công nghiệp chưa qua xử lí. **B.** chất thải trong sản xuất nông nghiệ

**C.** nước xả từ các nhà máy thủy điện **D.** khai thác và vận chuyển dầu mỏ.

**Câu 14:** Để giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu cần sự hợp tác giữa

**A.** các quốc gia phát triển **B.** một số cường quốc kinh tế.

**C.** các quốc gia trên thế giới **D.** các quốc gia đang phát triển

**Câu 15:** Cho bảng số liệu:

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của một số nước trên thế giới qua các năm

(Đơn vị: %)



Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

**A.** Các nước đang phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp và giảm dần

**B.** Các nước phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên rất thấp và có xu hướng tăng

**C.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của các nhóm nước là ổn định không biến động

**D.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên các nước đang phát triển cao hơn các nước phát triển.

**Câu 16:** Cho tới đầu thế kỷ XXI, số dân sống dưới mức nghèo khổ của Mĩ La tinh dao động từ:

**A.** 37 – 45% **B.** 26 – 37% **C.** 37 – 62% **D.** 45 – 62%

**Câu 17:** Cho bảng số liệu: lương dầu thô khai thác và tiêu thụ của một số khu vực (đơn vị: nghìn thùng/ngày)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Dầu thô | Tây Nam Á | Đông Á | Bắc Mỹ | Đông Nam Á | Tây Âu |
| Khai thác | 21356,6 | 3414,8 | 7986,4 | 2584,4 | 161,2 |
| Tiêu thụ | 6117,2 | 14520,5 | 22226,8 | 3749,7 | 6882,2 |

Nhận xét nào sau đây đúng với vai trò cung cấp dầu mỏ của Tây Nam Á

**A.** Tây Nam Á nhập khẩu dầu mỏ từ Bắc Mỹ **B.** Tây Nam Á tiêu thụ nhiều hơn khai thác

**C.** Tây Nam Á khai thác vừa đủ để sủ dụng

**D.** Tây Nam Á là nơi cung cấp dầu khí chủ yếu của thế giới

**Câu 18:** Toàn cầu hóa và khu vực hóa là xu hướng tất yếu, dẫn đến

**A.** sự liên kết giữa các nước phát triển với nhau **B.** ít phụ thuộc lẫn nhau hơn giữa các nền kinh tế

**C.** sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nên kinh tế **D.** các nước đang phát triển gặp nhiều khó khăn

**Câu 19:** Nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào Mĩ la tinh giảm mạnh trong thời kỳ 1985-2004 là do.

**A.** chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo. **B.** tình hình chính trị không ổn định.

**C.** thiên tai xảy ra nhiều, kinh tế suy thoái. **D.** chính sách thu hút đầu tư không phù hợp.

**Câu 20:** Châu Phi có kiểu khí hậu là:

**A.** Hàn đới **B.** Ôn đới lạnh **C.** khô nóng **D.** nóng ẩm

**Câu 21: So** với toàn thế giới, trữ lượng dầu mỏ của Tây Nam Á chiếm khoảng**:**

**A.** Trên 40% **B.** Trên 45% **C.** Trên 50% **D.** Trên 55%

**Câu 22:** Cho bảng số liệu:

Tuổi thọ trung bình của các châu lục trên thế giới năm 2010 và năm 2014

(Đơn vị: tuổi)



Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

**A.** Tuổi họ trung bình của châu Phi tăng chậm hơn châu Âu

**B.** Dân số tuổi thọ trung bình của các châu lục có tuổi thọ trung bình là như nhau

**C.** Dân số thế giới có tuổi thọ trung bình không biến động

**D.** Dân số châu Phi có tuổi thọ trung bình thấp nhất thế giới

**Câu 23:** Ở Việt Nam, vùng sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu do nước biển dâng là

**A.** trung du và miền núi Bắc Bộ **B.** đồng bằng sông Cửu Long

**C.** đồng bằng sông Hồng **D.** Tây Nguyên

**Câu 24:** Cho bảng số liệu:

Cơ cấu GDP phân theo khu vực của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a năm 2013

(Đơn vị: %)



 Biểu đồ thể hiện rõ nhất cơ cấu GDP của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a là:

**A.** biểu đồ đường **B.** biểu đồ tròn **C.** biểu đồ cột **D.** biểu đồ miền

**Câu 25:** Cho bảng số liệu:

GDP bình quân đầu người của một số nước trên thế giới năm 2013 (Đơn vị: USD)



Nhận xét nào sau đây là đúng?

**A.** Các nước đang phát triển không có sự chênh lệch nhiều về GDP/người

**B.** Các nước phát triển có GDP/người đều trên 60 nghìn USD

**C.** Không có sự chênh lệch nhiều về GDP/người giữa các nhóm nước

**D.** GDP/người chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và đang phát triển

**Câu 26:** Điểm khác biệt trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nhóm nước phát triển so với nhóm nước đang phát triển là:

**A.** tỉ trọng khu vực II rất thấp **B.** tỉ trọng khu vực I còn cao

**C.** tỉ trọng khu vực III rất cao **D.** cân đối về tỉ trọng giữa các khu vực

**Câu 27:** Châu Phi chiếm 14% dân số thế giới nhưng tập trung tới:

**A.** 1/2 tổng số người nhiễm HIV trên toàn thế giới.

**B.** hơn 2/3 tổng số người nhiễm HIV trên toàn thế giới.

**C.** 1/3 tổng số người nhiễm HIV trên toàn thế giới.

**D.** gần 2/3 tổng số người nhiễm HIV trên toàn thế giới.

**Câu 28:** Ở nhóm nước phát triển, người dân có tuổi thọ trung bình cao, nguyên nhân chủ yếu là do:

**A.** chất lượng cuộc sống cao **B.** nguồn gốc gen di truyền

**C.** làm việc và nghỉ ngơi hợp lí **D.** môi trường sống thích hợp

**Câu 29:** Các nước Mĩ latinh giành độc lập khá sớm nhưng nền kinh tế phát triển chậm **không** phải do:

**A.** điều kiện tự nhiên khó khăn, tài nguyên thiên nhiên nghèo nàn.

**B.** duy trì xã hội phong kiến trong thời gian dài.

**C.** các thế lực bảo thủ của thiên chúa giáo tiếp tục cản trở.

**D.** chưa xây dựng được đường lối phat triển kinh tế- xã hội độc lập, tự chủ.

**Câu 30:** Yếu tố tự nhiên tác động đến hoạt động sản xuất ở Châu Phi là:

**A.** trình độ dân trí thấp **B.** nguồn nước thủy lợi

**C.** hoang mạc hóa diễn ra nhanh **D.** dân số tăng nhanh

**Câu 31:** Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là xuất hiện và phát triển nhanh chóng

**A.** công nghệ cao **B.** công nghiệp khai thác **C.** công nghiệp dệ may **D.** công nghiệp cơ khí

**Câu 32:** Dầu mỏ, nguồn tài nguyên quan trọng cảu Tây Nam Á tập trung chủ yếu ở:

**A.** ven biển Caxpi **B.** ven biển Đen **C.** ven Địa Trung Hải **D.** ven vịnh Péc-xích

**Câu 33:** Hiện nay, GDP của tổ chức liên kết kinh tế khu vực nào sau đây lớn nhất thế giới?

**A.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á **B.** Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mĩ

**C.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương **D.** Liên minh châu Âu

**Câu 34:** Ý nào **không** phải là nguyên nhân làm cho kinh tế châu Phi kém phát triển:

**A.** từng bị thực dân thống trị lâu dài **B.** khả năng quản lí yếu kém

**C.** xung đột sắc tộc **D.** bị cạnh tranh bởi các nước phát triển

**Câu 35:** Tây Nam Á vùng có tài nguyên nổi tiếng chủ yếu là.

**A.** vàng, đá quý, dầu mỏ. **B.** dầu mỏ, kim cương.

**C.** khí tự nhiên, dầu mỏ.  **D.** khí tự nhiên, vàng.

**Câu 36:** Nền kinh tế tri thức được dựa trên

**A.** kĩ thuật và kinh ngiệm cổ truyền **B.** Ccông cụ lao động cổ truyền

**C.** tri thức và kinh nghiệm cổ truyền **D.** tri thức, kĩ thuật và công nghệ cao

**Câu 37:** Cho bảng số liệu

Tốc độ tăng GDP của một số quốc gia ở Mĩ La tinh qua các năm (Đơn vị: %)



Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

**A.** Tốc độ tăng trưởng GDP của các nước đều giảm

**B.** Các nước có tốc độ tăng trưởng GDP không ổn định

**C.** Các nước có tốc độ tăng trưởng GDP đều cao như nhau

**D.** Không chênh lệch về tốc độ tăng trưởng GDP giữa các nước

**Câu 38:** Trong vòng 100 năm trở lại đây nhiệt độ không khí của Trái Đất tăng

**A.** 0,5 oc **B.** 1 oc **C.** 1,5 oc **D.** 0,6 oc

**Câu 39:** Nguyên nhân nào **không** dẫn đến xu hướng toàn cầu hóa

**A.** Xuất hiện nền kinh tế tri thức

**B.** Xuất hiện các vấn đề toàn cầu đòi hỏi hợp tác quốc tế để giải quyết

**C.** Nhu cầu phát triển của từng nước

**D.** Tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

**Câu 40:** Trong những thập niên cuối thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI, mối đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình thế giới là

**A.** làn sóng di cư tới các nước phát triển **B.** nạn bắt cóc người, buôn bán nô lệ

**C.** khủng bố, xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo. **D.** buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã.

-----------------------------------------------

----------- HẾT ----------

ĐÁP ÁN

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |